ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Số: 2766 /HD-KHTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2011

HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG KINH PHÍ NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC Ở ĐHQGHN

Căn cứ Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính về việc qui định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ hướng dẫn số 2100/KHTC ngày 29/11/2006 của ĐHQGHN về việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc ĐHQGHN thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính;

Căn cứ Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-KHCN ngày 7/5/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn xây dựng định mức xây dựng và phân bổ kinh phí đối với các đề tài, dự án KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 51/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/6/2008 về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-KHTC ngày 05/3/2009 về việc ban hành quy định tạm thời xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế;

Căn cứ Đề án "Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015" ban hành theo Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008 của Chính phủ;

ĐHQGHN hướng dẫn chi tiết sử dụng kinh phí đào tạo ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế thuộc nhiệm vụ chiến lược, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc

- Thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và ĐHQGHN;

- Khung định mức thống nhất trong toàn ĐHQGHN thực hiện Nhiệm vụ Chiến lược trên cơ sở tích hợp các nguồn kinh phí từ NSNN cấp thường xuyên, kinh phí Nhiệm vụ Chiến lược, kinh phí hoạt động khoa học công nghệ, kinh phí các dự án đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực nghiên cứu, các đề án, dự án hợp tác quốc tế, dự án tài trợ các tổ chức quốc tế, Trig, Pub, học phí và các nguồn kinh phí khác.

- Sử dụng hiệu quả kinh phí nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế;

- Phù hợp với đặc thù từng nội dung chi, mức chi phù hợp đào tạo Nhiệm vụ chiến lược ngành, chuyên ngành trình độ quốc tế.

2. Nội dung và định mức chi

Đơn vị: 1000 VNĐ

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Định mức kinh phí	Ghi chú
I	**Phát triển đội ngũ**			
1	Tuyển dụng mới/ thu hút giảng viên có trình độ TS	Người	40.000	
2	Cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, PPGD, phương pháp KTĐG, NCKH tiên tiến ở nước ngoài, bao gồm: Vé máy bay, tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt, thuê phương tiện từ sân bay, thuê phương tiên đi hàng ngày, bảo hiểm và chi phí (visa, thuế sân bay, tài liệu, phí đào tạo, …)	Lượt	250.000	Thông tư 91/2005/TT – BTC ngày 18/10/2005
3	Cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, PPGD, phương pháp KTĐG, NCKH tiên tiến ở trong nước	Người	1.000	
4	Cử giảng viên dự giờ của GV nước ngoài	Người	3.000	
5	Cử giảng viên đi học tiếng Anh trong nước, đạt điểm tối thiểu 5,5 IELTS hoặc tương đương	Khoá	20.000	
6	Cử cán bộ quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, bao gồm: Vé máy bay, tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt, thuê phương tiện từ sân bay, thuê phương tiên đi hàng ngày, bảo hiểm và chi phí (visa, thuế sân bay, tài liệu, phí đào tạo, …)	Lượt	100.000	Thông tư 91/2005/TT – BTC ngày 18/10/2005
7	Cử cán bộ quản lý đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản trị ĐH tiên tiến ở trong nước	Người	1.000	
8	Cử cán bộ quản lý đi học tiếng Anh trong nước, đạt điểm tối thiểu 5,5 IELTS hoặc tương đương	Khoá	20.000	
II	**Khoa học công nghệ**			
9	Triển khai thực hiện Đề tài cấp ĐHQGHN (nhóm A)	Đề tài	500.000	
10	Triển khai thực hiện Đề tài cấp ĐHQGHN (nhóm B)	Đề tài	200.000	
11	Triển khai thực hiện Đề tài cấp cơ sở	Đề tài	60.000	
12	Chuẩn bị và tổ chức Hội thảo khoa học Quốc tế	Hội nghị	150.000	
13	Hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu ở tạp chí Quốc tế	Bài	6.000	
14	Xuất bản sách chuyên khảo	Quyển	40.000	
15	Hỗ trợ NCKH cho sinh viên	Năm	10.000	
III	**Đào tạo, cơ sở vật chất, học liệu**			
16	Xây dựng khung chương trình song ngữ Tiếng Anh và tiếng Việt (bao gồm khung chương trình và tóm tắt các môn học)	Tín chỉ	1.500	

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Định mức kinh phí	Ghi chú
17	Biên tập và ban hành chương trình song ngữ	C.trình	3.000	
18	Thẩm định chương trình	C.trình	150.000	Dùng cho Hội đồng khối ngành góp ý và thẩm định chương trình
19	Tổ chức điều tra khảo sát các hoạt động đào tạo và dịch vụ đối với sinh viên	Đợt	5.700	
20	Điều tra khảo sát nhu cầu sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu xã hội	Đợt	15.000	
21	Triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo	C.trình	200.000	
22	Tổ chức đánh giá ngoài	C.trình	100.000	
23	Xây dựng bộ đề thi cho môn học (mỗi môn học xây dựng 1 bộ đề thi tương đương 200 câu hỏi trắc nghiệm hoặc 50 câu hỏi tự luận)	Bộ	5.000	
24	Biên soạn, thẩm định giáo trình và sách chuyên khảo tiếng Việt	Trang	120	
25	Biên dịch và hiệu đính tài liệu tiếng Anh	Trang	95	
26	Mua giáo trình	Quyển	1.600	
27	Mua tài liệu tham khảo	Quyển	800	
28	Xây dựng Đề cương chi tiết các môn học	Tín chỉ	1.350	
29	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa phòng học, phòng điều hành, phòng hội họp sinh hoạt học thuật chuyên môn chung	Phòng	250.000	
30	Xây dựng tủ sách (giá sách, hệ thống thông tin phục vụ tủ sách, các đầu sách, tạp chí tham khảo)	Phòng	600.000	
31	Xây dựng phòng thí nghiệm cơ sở	Phòng	1.000.000	
32	Xây dựng phòng thí nghiệm thực hành	Phòng	1.800.000	
33	Phòng thực hành, thí nghiệm	Phòng	1.900.000	
34	Xưởng thực nghiệm	Xưởng	3.000.000	
35	Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phòng thí nghiệm	Năm	80.000	
36	Xây dựng và duy trì Website môn học	C.trình	100.000	
37	Mua hoặc xây dựng phần mềm giảng dạy	C.trình	390.000	
IV	**Hợp tác Quốc tế**			
38	Ký kết văn bản hợp tác đào tạo (vé máy bay, ăn, ở đi đàm phán đối tác tối đa 4 người)	V.bản	240.000	Thông tư 91/2005/TT – BTC ngày 18/10/2005
39	Mời giảng viên nước ngoài (thời gian bình quân 2 tháng/người), bao gồm: vé máy bay, hỗ trợ giảng dạy chuyên môn, chi ăn, ở, đi lại nội địa.	Người	125.000	
V	**Khác**			
40	Tổ chức giảng dạy ngoại ngữ năm thứ nhất, bao gồm cả quản lý và phục vụ giảng dạy (40%)	Giờ Tín chỉ	280	
41	Tổ chức đào tạo các năm thứ 2, 3, 4 chuyên môn bằng tiếng Anh tại đơn vị (cả quản lý 40%)	GiờTín chỉ	490	

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Định mức kinh phí	Ghi chú
42	Tổ chức đào tạo các năm thứ 2, 3, 4 bằng tiếng Việt tại đơn vị (cả quản lý 40%)	Giờ Tín chỉ	120	
43	Chi Giảng viên nước ngoài			
	- Vé máy bay			Thanh toán theo thực tế và quy định chung (kèm theo hoá đơn tài chính, thẻ lên máy bay).
	- Chi giảng dạy chuyên môn (Một số trường hợp đặc biệt do Giám đốc quy định)			Theo định mức áp dụng cho giảng viên Việt Nam dạy bằng tiếng Anh.
	- Chi ăn, ở, đi lại nội địa			Áp dụng TT 91/2005/TT – BTC ngày 18/10/2005
44	Chi coi thi, chấm thi(12% số giờ tín chỉ giảng dạy)	Tín chỉ	12%	
45	Thực hành, thực tập cho sinh viên	Năm	40.000	
46	Hỗ trợ sinh viên đi thực tập cuối khóa trong hoặc ngoài nước	Lượt	50.000	
47	Hỗ trợ sinh viên đi thực tập cuối khóa trong hoặc ngoài nước và thực tập thiên nhiên	Lượt	100.000	
48	Hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tiếng Anh	Khóa luận	4.500	
49	Hướng dẫn Học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp tiếng Anh	Luận văn	7.500	
50	Hội đồng chấm luận văn Thạc sỹ	Luận văn	5.600	
1	Chủ tịch và thư ký	người	1.000	
2	Phản biện	người	1.500	
3	Uỷ viên	người	400	
4	Trang trí, phục vụ	hội đồng	200	
51	Hướng dẫn Nghiên cứu sinh làm luận án tốt nghiệp tiếng Anh	Luận án	45.000	
52	Hội đồng chấm luận án Tiến sỹ	Luận án		
	- Cấp cơ sở		12.800	

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Định mức kinh phí	Ghi chú
1	Chủ tịch và thư ký	người	1.500	
2	Phản biện	người	2.500	
3	Uỷ viên	người	1.000	
4	Trang trí, phục vụ	hội đồng	300	
	- Phản biện kín (2 phản biện/luận án)	người	1.000	
	- Cấp ĐHQGHN		12.800	
1	Chủ tịch và thư ký	người	1.500	
2	Phản biện	người	2.500	
3	Uỷ viên	người	1.000	
4	Trang trí, phục vụ	hội đồng	300	
	- Thẩm định lại cấp ĐHQGHN (30% cấp ĐHQGHN, do Ban Đào tạo tổ chức thực hiện)	hội đồng	30%	
53	Xây dựng đề án thành phần (bao gồm cả chương trình đào tạo)	Đề án	30.000	
54	Thẩm định đề án thành phần	Đề án	13.000	
55	Hội nghị, hội thảo, tổng kết năm học	Lần	5.000	
56	Hỗ trợ sinh viên: học bổng, khen thưởng	Năm	12.000	
57	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, công tác phí	Năm	10.000	
58	Đối với chuyên ngành Ths, TS các nội dung chi hoạt động 16, 23, 28, 40, 41,42,43.	Hệ số	1,25	

3. Tổ chức, trách nhiệm thực hiện

3.1. Dựa trên khung định mức xây dựng dự toán thuộc Nhiệm vụ Chiến lược. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có thể đề xuất, áp dụng cao (thấp) hơn khung định mức nêu ở trên thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, trong trường hợp đặc biệt trình Giám đốc xem xét, quyết định.

3.2. Các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN triển khai thực hiện xây dựng đề án thuộc nhiệm vụ chiến lược theo các định mức hướng dẫn nêu ở trên và chịu trách nhiệm thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của ĐHQGHN.

3.3. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành thay thế Hướng dẫn số 2269/HD-KHTC ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Giám đốc ĐHQGHN.

3.4 Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo ĐHQGHN xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Giám đốc (để b/c);
- Các đơn vị ĐHQGHN (để t/h);
- Các Ban chức năng, Khoa Sau đại học (để p/h);
- Lưu: VP, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS. TS. Phùng Xuân Nhạ